

**Phụ lục VI**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT THƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~135.1~~ 1/CV-ACBS.25

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

**1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: 006C
- Địa chỉ: *Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh (Trước đây: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh)*
- Điện thoại liên hệ: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm và Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của 06 chứng quyền sau:
  1. Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 233/GCN-UBCK);
  2. Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 234/GCN-UBCK);
  3. Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 235/GCN-UBCK);
  4. Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/84 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 236/GCN-UBCK);
  5. Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 237/GCN-UBCK);
  6. Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 238/GCN-UBCK).

*Chi tiết theo file đính kèm.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/7/2025 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:***

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người được UQ CBTT

Giám đốc Nhân sự



**Võ Đình Nam**

## THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

*(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 238/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/07/2025)*

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Số điện thoại: (028) 7300 7000
4. Số Fax: 028 7300 3751
5. Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có
6. Thông tin về chứng quyền phát hành:
  - Tên chứng quyền: Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/TM/86
  - Mã chứng khoán cơ sở: TCB
  - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
  - Loại chứng quyền: Mua
  - Kiểu thực hiện: Châu Âu
  - Phương thức thực hiện chứng quyền: Thanh toán tiền (VND)
  - Thời hạn: 7 tháng
  - Ngày đáo hạn: 23/02/2026
  - Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1
  - Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số): Không có
  - Giá thực hiện (chỉ số thực hiện): 36.000 đồng
  - Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 15.200.000.000 (mười lăm tỷ hai trăm triệu) đồng
7. Số lượng đăng ký phát hành: 16.000.000 chứng quyền
8. Giá phát hành: 1.900 đồng/chứng quyền
9. Số lượng chứng quyền đã phát hành (*trường hợp thông báo phát hành bổ sung*): Không có
10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền
11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 10h:00 ngày 18/07/2025 đến 14h:00 ngày 18/07/2025

12. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu và công bố Bản cáo bạch:

- Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:

- Tại web [SMART.acbs.com.vn](http://SMART.acbs.com.vn)
- Qua ứng dụng đầu tư ACBS SMART

- Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận, nhà đầu tư tham khảo tại website của ACBS theo đường dẫn [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:

- Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Số tài khoản: 8660023980 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư

Công ty cam kết thực hiện tất cả các nghĩa vụ liên quan của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền như đã công bố theo bản cáo bạch và quy định của pháp luật liên quan.

TPHCM, ngày 17 tháng 07 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC HOÀN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro từ trang 04 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

## **BẢN CÁO BẠCH** **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000

Giấy phép điều chỉnh số: 07/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 04 năm 2025)

# **ACBS**

## **CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 238/GCN-UBCK do  
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 / 7 / 2025)

**TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86**

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP. HCM

Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Website: [www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)

Email: [acbs@acbs.com.vn](mailto:acbs@acbs.com.vn)

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Ông: Võ Đình Nam

Chức vụ: Giám đốc nhân sự

Điện thoại: (028) 7300 7000

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 07 năm 2025

# CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000)

(Giấy phép điều chỉnh số: 07/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 04 năm 2025)

## CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

| STT | Khoản mục                              | Nội dung                                                                                                                                                                             |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Tên chứng quyền                        | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86                                                                                                                                              |
| 2.  | Tên (mã) chứng khoán cơ sở             | TCB                                                                                                                                                                                  |
| 3.  | Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở    | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam                                                                                                                                      |
| 4.  | Loại chứng quyền/Kiểu chứng quyền      | Chứng quyền Mua/Châu Âu                                                                                                                                                              |
| 5.  | Phương thức thanh toán thực hiện quyền | Thanh toán tiền (VND)                                                                                                                                                                |
| 6.  | Thời hạn                               | 7 tháng                                                                                                                                                                              |
| 7.  | Ngày phát hành (dự kiến)               | Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán                                                                                                |
| 8.  | Ngày giao dịch cuối cùng (dự kiến)     | Trước ngày đáo hạn 2 ngày làm việc                                                                                                                                                   |
| 9.  | Ngày đáo hạn                           | Ngày tròn 7 tháng kể từ ngày phát hành                                                                                                                                               |
| 10. | Tỷ lệ chuyển đổi                       | 2:1 (hai chứng quyền quy đổi một cổ phiếu)                                                                                                                                           |
| 11. | Giá thực hiện dự kiến                  | Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện sẽ được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành. |
| 12. | Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán     | 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán                                                                                                                                           |
| 13. | Giá chào bán (dự kiến)                 | 1.000 (một nghìn) đồng đến 2.500 (hai nghìn năm trăm) đồng/một chứng quyền. Giá chào bán sẽ được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.                                           |
| 14. | Tổng số lượng chào bán                 | 16.000.000 (mười sáu triệu) chứng quyền                                                                                                                                              |
| 15. | Tổng giá trị chào bán (dự kiến)        | 16.000.000.000 (mười sáu tỷ) đồng đến 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng                                                                                                              |

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

- Địa chỉ: Số 115, Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

### NGÂN HÀNG LƯU KÝ

#### Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn).



## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>                                                                                                                                                                                                                          | <b>4</b>  |
| 1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền.....                                                                                                                                                                                                  | 4         |
| 2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền .....                                                                                                                                                                                                          | 5         |
| 3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....                                                                                                                                                                                                              | 6         |
| 4. Các rủi ro khác.....                                                                                                                                                                                                                                     | 6         |
| 4.1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                                                                                                                                | 6         |
| 4.2. Rủi ro về luật pháp .....                                                                                                                                                                                                                              | 6         |
| 4.3. Rủi ro chính trị.....                                                                                                                                                                                                                                  | 7         |
| 4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền.....                                                                                                                                                                                                                | 7         |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..</b>                                                                                                                                                                                  | <b>8</b>  |
| 1. Tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                                                                   | 8         |
| 2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn: .....                                                                                                                                                                                                        | 8         |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>                                                                                                                                                                                                                              | <b>8</b>  |
| <b>IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....</b>                                                                                                                                                                                                                               | <b>11</b> |
| 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam .....                                                                                                                                                                                                                  | 11        |
| 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....                                                                                                                                                                                                      | 12        |
| 3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền.....                                                                                                                                                                                                                       | 13        |
| <b>V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....</b>                                                                                                                                                                                        | <b>13</b> |
| 1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....                                                                                                                                                                                     | 13        |
| 1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....                                                                                                                                                                                                       | 13        |
| 1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty .....                                                                                                                                                                                                                           | 16        |
| 1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....                                                                                                                                                                                                                 | 17        |
| 1.4. Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)..... | 22        |
| 1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành;.....        | 23        |
| 1.6. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành .....                                                                                                                                                                                                     | 23        |
| 1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực.....                                                                                                                      | 27        |
| 2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                            | 27        |



|                                                                                                                                                                                                      |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành .....                                                                                                                                        | 27        |
| 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2023 – 2024 và lũy kế đến Quý gần nhất.....                                                                                                  | 29        |
| 2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành: .....                                                                                                                                                  | 30        |
| 3. Tình hình tài chính.....                                                                                                                                                                          | 37        |
| 3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:.....                                                                                                                                                           | 37        |
| 3.2. Các khoản phải nộp theo luật định: .....                                                                                                                                                        | 37        |
| 3.3. Tổng dư nợ vay và tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả) .....                                                                                                         | 37        |
| 3.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....                                                                                                                                                            | 37        |
| <b>VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....</b>                                                                                                                                              | <b>38</b> |
| 1. Thông tin chung về chứng quyền .....                                                                                                                                                              | 38        |
| 1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành .....                                                                                                                                                        | 38        |
| 1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó: .....                                                                                                                            | 40        |
| 2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.....                                                                                                                        | 40        |
| 2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở .....                                                                                                                                                            | 40        |
| 2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:.....                                                                                                                                          | 41        |
| 3. Thời gian phân phối chứng quyền .....                                                                                                                                                             | 43        |
| 4. Đăng ký mua chứng quyền.....                                                                                                                                                                      | 44        |
| 5. Thực hiện chứng quyền.....                                                                                                                                                                        | 45        |
| 5.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giá định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc): ..... | 45        |
| 5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán: .....                                                                                                           | 46        |
| 6. Quyền của người sở hữu chứng quyền .....                                                                                                                                                          | 47        |
| 7. Điều chỉnh chứng quyền .....                                                                                                                                                                      | 47        |
| 8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền .....                                                                                                          | 48        |
| 9. Hoạt động tạo lập thị trường .....                                                                                                                                                                | 49        |
| <b>VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....</b>                                                                                                                                              | <b>51</b> |
| 1. Quy trình quản trị rủi ro .....                                                                                                                                                                   | 51        |
| 1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan .....                                                                          | 51        |
| 1.2. Quy trình quản trị rủi ro.....                                                                                                                                                                  | 52        |
| 2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến.....                                                                                                                                                          | 56        |



|                                                                                         |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro.....                                                    | 56        |
| 2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro .....                                          | 56        |
| 2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát .....                                               | 57        |
| 3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền: .....                                             | 60        |
| <b>VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>                               | <b>69</b> |
| 1. Tổ chức kiểm toán .....                                                              | 69        |
| 2. Ngân hàng lưu ký.....                                                                | 69        |
| 3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn.....                | 69        |
| <b>IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....</b>                                                       | <b>69</b> |
| <b>X. CAM KẾT.....</b>                                                                  | <b>70</b> |
| <b>XI. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN.....</b> | <b>70</b> |

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

### **1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền**

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng



phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

## 2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cân trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.
- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của



chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- **Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở,** bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

### **3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở**

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

### **4. Các rủi ro khác**

#### **4.1. Rủi ro về kinh tế**

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít thách thức do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Triển vọng phát triển kinh tế luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và sự phát triển của các sản phẩm chứng quyền nói riêng.

#### **4.2. Rủi ro về luật pháp**

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đã và đang hoàn thiện,



luôn được thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, xã hội. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, các doanh nghiệp cũng như ACBS sẽ luôn chủ động, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật để có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Hoạt động theo hình thức Công ty TNHH, ACBS chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các văn bản pháp luật này nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

#### **4.3. Rủi ro chính trị**

Những sự kiện chính trị, những thay đổi trong việc điều hành chính sách của Nhà nước, Chính phủ sẽ luôn ảnh hưởng đến nền kinh tế và từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

#### **4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền**

Theo quy định của pháp luật về thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được. Do đó, nhà đầu tư cần cân nhắc những vấn đề này trong quá trình đầu tư của mình.

Hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành cũng như sự kỳ vọng của những nhà đầu tư có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng khác như: rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hay sự ảnh hưởng bởi những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, v.v ... Điều này, không những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành, mà còn ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của các sản phẩm chứng quyền.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành**

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).**

**Ông: Đỗ Minh Toàn** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng thành viên.**

**Ông: Nguyễn Đức Hoàn** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

**Ông: Lê Hoàng Tân** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc.**

**Ông: Võ Văn Vân** Chức vụ: **Kế toán trưởng.**

**Ông: Huỳnh Hiếu Nghĩa** Chức vụ: **Kiểm soát viên.**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn:**

Không có.

## **III. CÁC KHÁI NIỆM**

- **ACBS; Tổ chức phát hành:** Công ty TNHH Chứng Khoán ACB.
- **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **SGDCK:** Sở Giao dịch Chứng khoán.
- **HOSE:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- **HNX:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- **VSDC:** Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **TNHH:** Trách nhiệm hữu hạn.
- **MTV:** Một thành viên.
- **CTCP:** Công ty Cổ phần.
- **VND:** Việt Nam đồng.
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên.
- **Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền):** là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua



(chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

- **Chứng khoán cơ sở (CKCS):** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành, hoặc TCPH): là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký:** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền:** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu:** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện:** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi:** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn:** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành:** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành:** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư.
- **Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành:** bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.



- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
- **Delta; Hệ số phòng ngừa rủi ro Delta:** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes.

Công thức tính Delta:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Công thức Black Scholes:** là một công thức toán học ứng dụng để định giá các công cụ tài chính mà tiêu biểu là quyền chọn kiểu châu Âu, với giả định giá của các công cụ này sẽ tuân theo phân phối chuẩn.
- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền:** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



#### IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

##### 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Tình hình kinh tế Việt Nam trong Q1/2025 có nhiều điểm nổi bật:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Q1/2025 tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng của Q1/2023 và Q1/2024. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%; dịch vụ tăng 7,70%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,8% (Q1/2024 tăng 5,9%). Ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%; khai khoáng giảm 4,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 11,6%.
- Cả nước có 36,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới (giảm 4%) với tổng vốn đăng ký 356,8 nghìn tỷ đồng (tăng 1,3%), vốn bình quân đạt 9,8 tỷ đồng/doanh nghiệp (tăng 5,5%). Có 36,5 nghìn doanh nghiệp quay lại hoạt động (tăng 54,8%), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại lên 72,9 nghìn, bình quân 24,3 nghìn doanh nghiệp mỗi tháng.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 202,52 tỷ USD (tăng 13,7%); xuất khẩu đạt 102,84 tỷ USD (tăng 10,6%), nhập khẩu 99,68 tỷ USD (tăng 17,0%), xuất siêu 3,16 tỷ USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực gồm điện tử, máy tính và linh kiện, điện thoại, máy móc thiết bị; nhập khẩu chủ yếu là điện tử, máy móc thiết bị.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.708,3 nghìn tỷ đồng (tăng 9,9%), loại trừ yếu tố giá tăng 7,5%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76,8%, dịch vụ lưu trú ăn uống 11,7%, du lịch lữ hành 1,3% và dịch vụ khác 10,2%.
- Vốn đầu tư toàn xã hội đạt 756,1 nghìn tỷ đồng (tăng 5,2%), trong đó vốn từ ngân sách Nhà nước đạt 109,6 nghìn tỷ đồng (tăng 7,4%), bằng 14,5% kế hoạch năm.
- FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 10,98 tỷ USD (tăng 34,7%), trong đó vốn đăng ký mới đạt 4,33 tỷ USD với 850 dự án, chủ yếu vào công nghiệp chế biến và bất động sản. Vốn điều chỉnh tăng mạnh lên 5,16 tỷ USD; góp vốn, mua cổ phần đạt 1,49 tỷ USD (tăng 83,7%). Vốn FDI thực hiện đạt 4,96 tỷ USD (tăng 7,2%), mức cao nhất cùng kỳ 5 năm.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 721,3 nghìn tỷ đồng (tăng 29,3%), bằng 36,7% dự toán năm; tổng chi đạt 428,2 nghìn tỷ đồng (tăng 11,6%).
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,77%, lạm phát cơ bản tăng 2,81%, cho thấy áp lực giá chủ yếu đến từ chi phí đầu vào và điều chỉnh giá do Nhà nước quản lý.

Nhìn chung, với sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định, hoạt động tiêu dùng nội địa phục hồi và doanh thu du lịch tăng trưởng mạnh mẽ, công thêm đầu tư công được đẩy mạnh, triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2025 tiếp tục có hy vọng. Tuy nhiên, mặc dù GDP Q1/2025 đạt 6,93%, cao



nhất cùng kỳ 6 năm nhưng mức tăng này vẫn thấp hơn mức tăng phải đạt được nếu Việt Nam muốn đạt mục tiêu 8% cho cả năm. Nếu xu hướng này duy trì, GDP cả năm có thể đạt khoảng 7,0% - 7,5%, do chưa tính đến tác động của các rào cản thuế mới. Trong kịch bản có ảnh hưởng tiêu cực từ thuế, tăng trưởng có thể giảm xuống quanh mức 6,0%. Dù vậy, nội lực từ đầu tư công và tiêu dùng – đặc biệt là nhờ sự bứt phá của ngành du lịch – được chúng tôi kỳ vọng sẽ tiếp tục là động lực giúp Việt Nam giữ vững đà phục hồi và tăng trưởng trong năm nay.

## 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường chứng khoán Việt Nam, đại diện bởi chỉ số VNIndex đã đạt đỉnh tại giữa tháng 4/2022, từ vùng đỉnh 1530 điểm. Trên đường đi lên trở lại, VNIndex đã xác nhận 1 đáy đầu tiên là 875 điểm, đáy thứ 2 là 1025, đáy thứ 3 tại 1200. Trước biến cố thuế quan, thị trường đang kiểm nghiệm vùng giá quanh 1300 thành điểm hỗ trợ mới sau gần 2 năm giao dịch trong vùng giá 1025-1300 (2023-2024). Sau sự kiện thuế quan, VNIndex đang giao dịch quanh vùng điểm 1200. Vùng giá giao dịch cho chu kỳ mới 2025-2027 đang được thị trường kiểm định, khả năng cao kết quả sẽ có sau khi chính sách thuế quan tại Mỹ trở nên rõ ràng hơn sau tháng 7/2025.

Về mặt định giá, P/E của VNIndex ở mức ~11,x và VN30 ~10,x. Mức định giá thấp trong bối cảnh tăng trưởng GDP của Việt Nam, tạo ra sức hấp dẫn đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong tầm nhìn 6-12 tháng tiếp theo về mặt tương quan tăng trưởng và định giá.

Xét về yếu tố thanh khoản, giá trị giao dịch tiếp tục hướng đến cột mốc tối thiểu quanh mốc 15.000 tỷ đồng/phần, cao hơn 50% so với vùng thanh khoản của VNIndex khi thiết lập mốc 1000-1200 trong giai đoạn 2021 và cao gấp 2-3 lần so với vùng 1000-1200 giai đoạn 2018.

*Hình. VNIndex đang chờ xác nhận biên giao dịch mới sau thông tin thuế quan.*



(Nguồn: Fireant.vn, ACBS tổng hợp)



### 3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm được phát hành bởi công ty chứng khoán, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Sản phẩm này mang lại cho nhà đầu tư công cụ phòng hộ rủi ro, cũng như đa dạng hóa và gia tăng hiệu quả cho danh mục đầu tư khi thị trường chứng khoán có biến động mạnh. Với tác động đòn bẩy cao, đây là cơ hội cho các nhà đầu tư với số vốn nhỏ có thể tiếp cận được cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt trên thị trường thông qua sản phẩm chứng quyền. Khi có một sự thay đổi nhỏ về giá của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến sự thay đổi lớn hơn về giá của chứng quyền.

Giá chứng quyền phụ thuộc nhiều vào giá chứng khoán cơ sở, diễn biến chung của thị trường và một số yếu tố khác. Khi đầu tư vào chứng quyền mua, lợi nhuận có thể thu được là không hạn chế trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng tăng như kỳ vọng. Trong khi đó, khoản lỗ tối đa được cố định trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng không như dự đoán và khoản lỗ đó cũng chính là chi phí mua chứng quyền mua của nhà đầu tư.

Thời gian và phương thức giao dịch chứng quyền được thực hiện một cách dễ dàng và thuận lợi tương tự như chứng khoán cơ sở đang giao dịch trên HOSE. Nhà đầu tư không cần phải mở tài khoản giao dịch khác để đầu tư vào chứng quyền. Ngoài ra, các tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành theo quy định cũng góp phần đảm bảo thanh khoản và thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, chứng quyền là một sản phẩm đầu tư hấp dẫn bởi không giới hạn tỷ lệ đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài như khi đầu tư vào chứng khoán cơ sở. Qua đó, thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và chứng quyền nói riêng sẽ thu hút các tổ chức tài chính quốc tế, tạo sân chơi rộng hơn cho các nhà đầu tư, thể hiện sự chuyên nghiệp của thị trường.

Tuy nhiên, do chứng quyền là một loại chứng khoán có những yếu tố đặc thù riêng biệt, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ trước khi ra quyết định đầu tư nhằm giảm thiểu những rủi ro và tổn thất có thể xảy ra.

## V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

#### 1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh



doanh số 06/GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000, Hội sở chính đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ hiện nay của ACBS là **11.000** tỷ đồng.

Năm 2000: Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động số 06/GPHDKD ngày 29/6/2000 cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu. Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng). Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư.

Năm 2005: ACBS thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất, tăng lên 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

Năm 2006: Tháng 05/2006, vốn điều lệ tăng lần hai là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng). Chuyển trụ sở chính đến 9 Lê Ngô Cát, Phường 07, Quận 03, Tp. HCM.

Năm 2007: Tháng 09/2007, thay đổi vốn điều lệ lần ba, tăng thành 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng). Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số.

Năm 2008: Ngày 04/09/2008, ACBS tăng vốn lần thứ tư, vốn điều lệ lúc này là 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng). Trụ sở chính chuyển đến 107N Trương Định, Phường 06, Quận 03, Tp. HCM. Đồng thời, nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư được hủy bỏ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2009: Ngày 04/11/2009, ACBS tăng vốn điều lệ lần thứ năm, 1.500 tỷ đồng. (Một ngàn năm trăm tỷ đồng). Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn, Chính xác, Bảo mật, Sáng tạo.

Năm 2010: Đưa vào sử dụng dịch vụ giao dịch qua Tổng đài điện thoại 1900 5555533. Chuyển đổi phương thức bảo mật từ Chứng chỉ số hành USB Token cho các giao dịch qua Internet.

Năm 2011: ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như: Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất; Thực hiện giao dịch tốt nhất; Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất; Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất; Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất.

Năm 2012: ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.

Năm 2013: Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch ACBS Trading cho thiết bị di động dùng hệ điều hành iOS.

Năm 2014: Ngày 13/06/2014, ACBS chuyển đổi trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường



Đa Kao, Quận 01, Tp. HCM. Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực, Hiệu quả, Hải hòa, Cẩn trọng, Cách tân.

Năm 2015: Chính thức vận hành hệ thống giao dịch mới hiện đại, an toàn, bảo mật hơn. Ra mắt phần mềm giao dịch ACBS Trading cho máy tính bàn, máy tính xách tay và các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android. Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2016: Ngày 06/01/2016, ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng những giá trị cốt lõi “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhạy bén”. Ngày 22/04/2016, khai trương phòng giao dịch Bầu Cát; Nâng cao thành công hệ thống giao dịch mới hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn; Là 1 trong 4 Công ty Chứng khoán được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2017: Thành lập chi nhánh Đồng Nai; Ra mắt ứng dụng ACBS trade giúp giao dịch chứng khoán trực tuyến trên iOS và Android; Quý III/ 2017 Thành lập chi nhánh Mạc Đĩnh Chi 4; Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO 2017” dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM, ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu; Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng.

Năm 2018: Tiếp tục tổ chức cuộc thi ACBS Trade Pro dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. Kỳ niệm 18 năm thành lập Công ty TNHH Chứng Khoán ACB. Được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX.

Năm 2019: Ngày 20/5 ABCS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes. Chi nhánh Chợ Lớn được thay đổi địa điểm hoạt động về địa chỉ 321 – 323 Trần Phú, Phường 08, Quận 05, Tp. HCM.

Năm 2021: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 3.000.000.000.000 đồng.

Năm 2022: ACBS chuyển Trụ sở chính về địa chỉ Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

Năm 2023: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 4.000.000.000.000 đồng, đồng thời ACBS mở thêm Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi và Chi nhánh Đồng Sài Gòn.

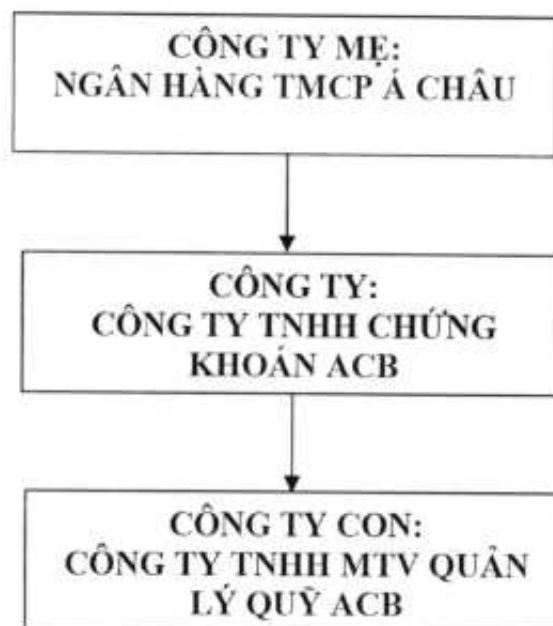
Năm 2024: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 7.000.000.000.000 đồng.

Năm 2025: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 10.000.000.000.000 đồng vào tháng 02/2025 và ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 11.000.000.000.000 đồng vào tháng 04/2025.

✦ *Thành tích, giải thưởng đạt được*



## 1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty



1. HỘI SỞ
2. CHI NHÁNH HÀ NỘI
3. CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
4. CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
5. CHI NHÁNH KHÁNH HÒA
6. CHI NHÁNH VŨNG TÀU
7. CHI NHÁNH TRƯƠNG ĐỊNH
8. CHI NHÁNH MẠC ĐÌNH CHI
9. CHI NHÁNH CÁCH MẠNG THÁNG 8
10. CHI NHÁNH CHỢ LỚN
11. CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN
12. PGD NGUYỄN THỊ MINH KHAI
13. CHI NHÁNH CẦN THƠ

(Nguồn: ACBS)

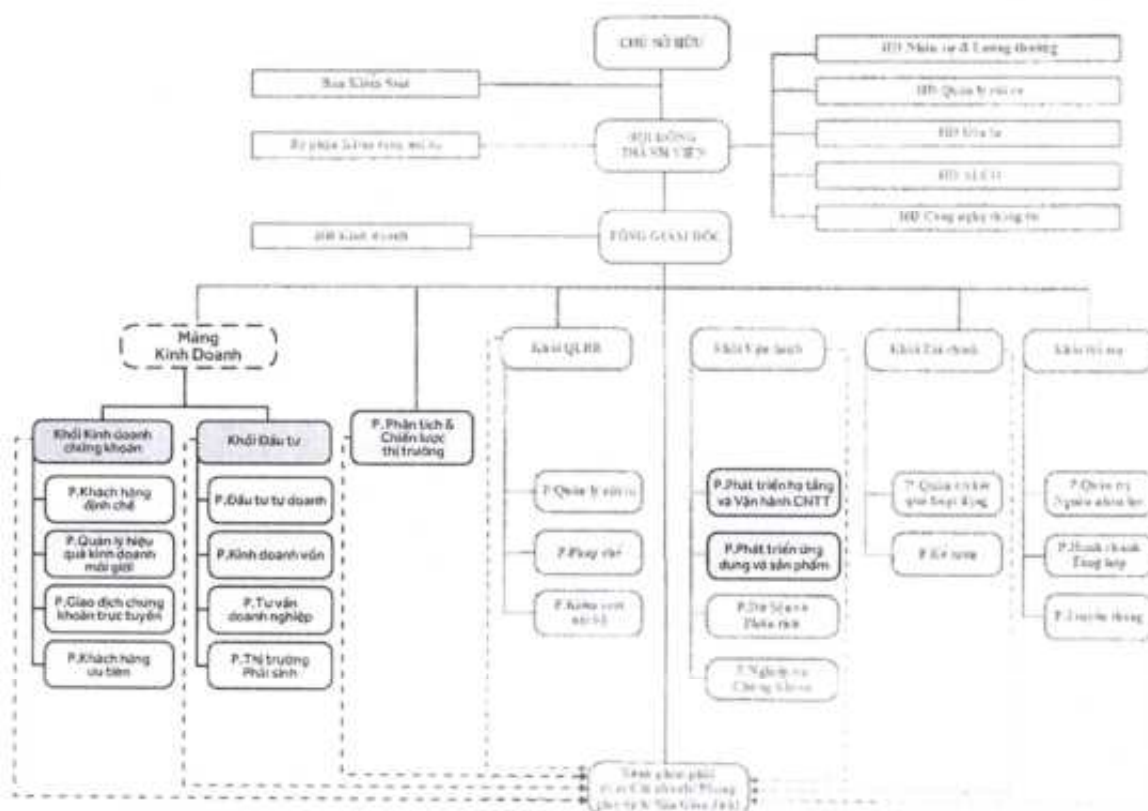
## + Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu

- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.39290999, Fax: 028.38399885.
- Vốn điều lệ: 51.367 tỷ đồng.

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP. HCM.
- Điện thoại: 028.7300 7000. Fax: 028. 7300 3751
- Vốn điều lệ: 11.000 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Á Châu sở hữu 100%.

- Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.62905989.
- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%

### 1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: ACBS)

✚ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 01 (một) đến 03 (ba) Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn



nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

✦ **Hội đồng thành viên:**

Hội đồng thành viên gồm 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ 05 (năm) năm; nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan.

**Các đơn vị trực thuộc Hội đồng thành viên (HĐTV)**

✦ **Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (TGD) trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự và lương thưởng nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của ACBS.

✦ **Hội đồng quản lý rủi ro:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro tại ACBS.

✦ **Hội đồng đầu tư:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư tại ACBS.

✦ **Hội đồng quản lý tài sản Nợ - tài sản Có (Hội đồng ALCO):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định để duy trì bảng cân đối kế toán bền vững và hiệu quả, từ đó tối đa hóa lợi nhuận theo khẩu vị và khả năng chịu đựng rủi ro cũng như vốn tự có của ACBS.

✦ **Hội đồng Công nghệ thông tin (HĐ CNTT):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV về lĩnh vực Công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thực thi việc phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của ACBS trong từng thời kỳ.

✦ **Bộ phận Kiểm toán nội bộ:**

Bộ phận Kiểm toán nội bộ là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên, có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng thành viên; kiểm tra, xem xét, đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm



soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách, quy trình nội bộ; đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh; đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; đánh giá hiệu quả của các hoạt động và việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con; kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Chủ sở hữu. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.

#### ✚ Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; chịu sự giám sát của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách các mảng công việc khác nhau.

#### Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc

##### ✚ Hội đồng kinh doanh:

Hội đồng kinh doanh là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định thực hiện nhiệm vụ kinh doanh do Hội đồng thành viên phân công/ủy quyền trong từng thời kỳ.

#### Cơ cấu tổ chức phân thành Kênh phân phối và 05 (năm) Khối thuộc Hội sở như sau:

a) **Kênh phân phối** là trung tâm lợi nhuận, là đầu mối tiếp xúc trực tiếp với khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức (ngoại trừ các tổ chức định chế tài chính) để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ khách hàng bao gồm thực hiện các nghiệp vụ môi giới, tư vấn đầu tư, tư vấn sử dụng dịch vụ lưu ký, cầm cố, mua bán thỏa thuận cổ phiếu chưa niêm yết ... cho khách hàng cập nhật và cung cấp thông tin thị trường, pháp luật, chuyên môn cho khách hàng.

b) **Mảng kinh doanh** chia thành 02 (hai) Khối:

**Khối Kinh doanh** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Quản lý hiệu quả kinh doanh môi giới; Phòng Giao dịch chứng khoán trực tuyến; Phòng Khách hàng Định chế; Phòng Khách hàng ưu tiên.

i. **Phòng Quản lý hiệu quả kinh doanh môi giới** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong việc xây dựng và triển khai các chính sách



kinh doanh, chính sách sản phẩm, chính sách hoa hồng môi giới, quản lý hiệu quả kinh doanh tại Kênh phân phối; hỗ trợ Kênh phân phối các công việc có liên quan trong quá trình vận hành kinh doanh.

ii. **Phòng Giao dịch chứng khoán trực tuyến** là đơn vị quản lý, phát triển chăm sóc khách hàng không có nhân viên tại Kênh phân phối chăm sóc thông qua các công cụ, nền tảng trực tuyến nhằm gia tăng tài sản, giá trị giao dịch của khách hàng tại ACBS.

iii. **Phòng Khách hàng Định chế** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ đến khách hàng là các định chế tài chính, thực hiện các nghiệp vụ môi giới tư vấn đầu tư, xử lý lệnh mua bán chứng khoán cho các khách hàng định chế tài chính, cập nhật và cung cấp các bài phân tích thông tin thị trường, thông tin giao dịch, các bài phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu cho khách hàng.

iv. **Phòng Khách hàng ưu tiên** là đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ khách hàng ưu tiên tại Hội sở, thực hiện tư vấn, quản lý và triển khai các chính sách bán hàng, tập trung vào việc phân phối sản phẩm và phát triển phân khúc khách hàng ưu tiên nhóm khách hàng ưu tiên (bao gồm khách hàng cá nhân có giao dịch lớn...).

**Khối Đầu tư** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Tư vấn Doanh nghiệp; Phòng Đầu tư Tự doanh; Phòng Thị trường Phái sinh; Phòng Kinh doanh vốn.

v. **Phòng Tư vấn Doanh nghiệp** là đơn vị kinh doanh trực thuộc Hội sở, là nơi cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến thị trường vốn, thị trường nợ, tư vấn mua bán và sát nhập doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn tại ACBS.

vi. **Phòng Đầu tư Tự doanh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đầu tư cổ phiếu, trái phiếu.

vii. **Phòng Thị trường Phái sinh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh các sản phẩm phái sinh, sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sản phẩm tài chính có cấu trúc.

viii. **Phòng Kinh doanh vốn** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh vốn của Công ty trong từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận cho Công ty; quản lý tài sản Nợ - Có của Công ty theo định hướng của Hội đồng ALCO; quản lý thanh khoản của công ty nhằm đảm bảo thanh khoản phục vụ hoạt động kinh doanh và tuân thủ các quy định.

c) **Phòng Phân tích và Chiến lược thị trường** là đơn vị hỗ trợ các đơn vị kinh doanh toàn Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các báo cáo nhận định thị trường, phân tích chứng khoán, báo cáo chiến lược, khảo sát đánh giá đối thủ cạnh tranh và thị trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng giá trị đầu tư cho Công ty và khách hàng.



d) **Khối Quản lý Rủi ro** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản lý Rủi ro; Phòng Kiểm soát nội bộ; Phòng Pháp chế.

- i. **Phòng Quản lý Rủi ro** là đơn vị thực hiện xác định, đánh giá và giám sát rủi ro, xây dựng và triển khai các chính sách quản lý rủi ro, phê duyệt cấp tín dụng, đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro, và tư vấn cho ban lãnh đạo để đưa ra các hướng giải quyết phù hợp.
- ii. **Phòng Kiểm soát nội bộ** là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát, giám sát, cảnh báo; bao gồm và không giới hạn ở công việc kiểm soát việc tuân thủ, kiểm soát tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy định, thủ tục, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn công việc, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các Ban/Phòng/Bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty
- iii. **Phòng Pháp chế** là đơn vị tham mưu và tư vấn những vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; làm đầu mối trong việc xử lý thu hồi nợ xấu bảo đảm tuân thủ theo quy định hiện hành.

e) **Khối Vận hành** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán; Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm; Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin; Phòng Dữ liệu và Phân tích.

- i. **Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán** là đơn vị chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán cho tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.
- ii. **Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm số** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc quy hoạch và xây dựng lộ trình triển khai các công việc xây dựng và phát triển công nghệ số trong ACBS; phối hợp cùng các đơn vị trong ACBS để triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ việc kinh doanh hiệu quả và hỗ trợ đạt mục tiêu kinh doanh chung của ACBS; triển khai số hóa, tự động hóa và tối ưu hóa nghiệp vụ nhằm giảm thiểu công việc thủ công, hoàn thiện hơn quy trình vận hành và tăng năng suất lao động.
- iii. **Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin** là đơn vị chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng, quản lý bảo mật, quản lý vận hành hệ thống thông tin ổn định, hoạt động liên tục và an toàn thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, các cơ quan công quyền có liên quan và ACBS; quản trị kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin nhằm đáp ứng tính ổn định, khả năng tương tác và mở rộng nhằm hỗ trợ chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.
- iv. **Phòng Dữ liệu và Phân tích** là đơn vị chịu trách nhiệm quản trị và khai thác dữ liệu, triển khai hoạt động làm giàu dữ liệu và phân tích dữ liệu nhằm đề xuất các biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh và doanh số của ACBS; là đầu mối cung cấp các dữ liệu, báo cáo, phân tích theo nhu cầu của các đơn vị trong ACBS.



f) **Khối Tài chính** gồm 02 (hai) Phòng: Phòng Quản trị kết quả hoạt động; Phòng Kế toán.

- i. **Phòng Quản trị kết quả hoạt động** là đơn vị chịu trách nhiệm Quản trị kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Thiết lập và vận hành các quy trình, hệ thống báo cáo để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; phân tích vị thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.
- ii. **Phòng Kế toán** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, tổ chức vận hành, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định của Công ty, ACB và các quy định hiện hành của pháp luật; quản lý chi phí bao gồm ngân sách và hiệu quả chi phí cho Công ty.

g) **Khối Hỗ trợ** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản trị Nguồn nhân lực; Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng Truyền thông.

- i. **Phòng Quản trị Nguồn nhân lực** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến chiến lược quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các chính sách nhân sự, phát triển và thu hút nhân tài, quy hoạch và quản lý hiệu quả đội ngũ nhân sự, nhằm hỗ trợ và thúc đẩy thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty.
- ii. **Phòng Hành chính Tổng hợp** là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến quản trị hành chính của hệ thống, công tác phát triển cơ sở vật chất, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc và các công việc có liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty
- iii. **Phòng Truyền thông** là đơn vị tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tổ chức sự kiện của Công ty, tổ chức hoạt động truyền thông được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật số, quản lý nhận diện thương hiệu và xây dựng hình ảnh Công ty.

1.4. **Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)**

**Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ**

DVT: tỷ đồng

| Tên thành viên góp vốn | Địa chỉ                                                  | Số vốn góp    | Tỷ lệ (%)   |
|------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------|
| Ngân hàng TMCP Á Châu  | Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Tp. HCM | 11.000        | 100%        |
| <b>Tổng cộng</b>       |                                                          | <b>11.000</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: ACBS)



- 1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành;

⬇ Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu

- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.39290999, Fax: 028.38399885.
- Vốn điều lệ: 51.367 tỷ đồng.

⬇ Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB

- Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.62905989.
- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%.

Những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

1.6. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành

⬇ Hội đồng thành viên

| Stt | Họ và tên           | Chức danh    |
|-----|---------------------|--------------|
| 1.  | Đỗ Minh Toàn        | Chủ tịch     |
| 2.  | Nguyễn Đức Thái Hân | Phó Chủ tịch |
| 3.  | Trịnh Bảo Quốc      | Thành viên   |
| 4.  | Huỳnh Duy Sang      | Thành viên   |

**Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Họ và tên : Đỗ Minh Toàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ;



Cử nhân ngành Ngân hàng Đại học Ngân hàng TP.HCM; Cử nhân Quản trị ngoại thương Đại học Kinh Tế TP.HCM; Cử nhân Luật Đại học Luật TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng ACB.

**Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Họ và tên : Nguyễn Đức Thái Hân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1967.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học ngành vật lý lý thuyết - Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng ACB.

**Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên : Trịnh Bảo Quốc.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Mỹ.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường kinh doanh Berkeley Haas, Đại học California, Hoa Kỳ; Cử nhân sinh vật học và cử nhân sử học, Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Ngân hàng ACB.

**Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên : Huỳnh Duy Sang.



Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1984.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng thành viên.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Giám đốc Khối Thị trường Tài chính Ngân hàng ACB.

#### **Ban Tổng Giám đốc**

| Stt | Họ và tên       | Chức danh         |
|-----|-----------------|-------------------|
| 1.  | Nguyễn Đức Hoàn | Tổng Giám đốc     |
| 2.  | Lê Hoàng Tân    | Phó Tổng Giám đốc |

#### **Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Nguyễn Đức Hoàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1974.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Đại học Leicester (Anh); Thạc sỹ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance), Đại học Westminster (Anh).

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

#### **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Lê Hoàng Tân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.



Năm sinh : 1983.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh Tế TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không.

⚡ **Kiểm soát viên**

| Stt | Họ và tên        | Chức danh      |
|-----|------------------|----------------|
| 1.  | Huỳnh Hiếu Nghĩa | Kiểm soát viên |

Họ và tên : Huỳnh Hiếu Nghĩa.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1964.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kiểm soát viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng ACB.

⚡ **Phó Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng**

| Stt | Họ và tên  | Chức danh                                  |
|-----|------------|--------------------------------------------|
| 1.  | Võ Văn Vân | Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

**Kế toán trưởng**

Họ và tên : Võ Văn Vân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1978.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đà Nẵng.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty



TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

**1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực**

- Ông Đặng Quang Huy – Cán bộ Quản lý rủi ro thanh khoản và thị trường.
- Chứng chỉ hành nghề của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Phân tích tài chính
- Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán.

**2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành**

**2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành**

**✦ Tình hình hoạt động của tổ chức phát hành:**

**Hoạt động kinh doanh chính của ACBS:**

Trong Quý 1/2025, ACBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và lợi nhuận tăng trưởng vượt trội. Đồng thời chúng tôi duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt gần 30.491 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ.
- Cho vay khách hàng đạt xấp xỉ 9.423 tỷ, tăng 72% so với cùng kỳ.
- Vay vốn đạt gần 16.790 tỷ, tăng 78,1% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 182 tỷ đồng.
- Khả năng sinh lời được cải thiện do tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 2,61% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 6,80%.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động so với thu nhập được cải thiện, giảm chỉ còn 20%.
- ACBS sở hữu chất lượng tài sản tốt và không phát sinh nợ xấu.
- Hoạt động môi giới là hoạt động kinh doanh cốt lõi của ACBS với mạng lưới rộng khắp cả nước từ Bắc vào Nam tại 13 điểm kinh doanh khác nhau. Với chiến lược kinh doanh trong thời gian sắp tới, ACBS đang hướng đến mục tiêu thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới cao nhất trên các Sở Giao dịch chứng khoán.

Bên cạnh hoạt động môi giới, Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2025 của ACBS đạt 146 tỷ đồng chủ yếu tăng trưởng từ các hoạt động đầu tư vào các tài sản tài chính, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động cho vay ký quỹ. Các hoạt động khác như dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ khác được duy trì ở mức ổn định. ACBS chưa cung



cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành.

**Các khoản đầu tư lớn:**

Năm 2024 là một năm nhiều biến động với thị trường chứng khoán Việt Nam với sự bất ổn định của địa chính trị trên thế giới. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2024, chỉ số VnIndex đóng cửa ở mức 1.266,78 điểm, tăng hơn 12% so với đầu năm. Tổng vốn hóa thị trường đến hết năm 2024 đạt hơn 290 tỷ USD, tương đương 70,4% GDP. Tuy nhiên, vượt qua những biến động của thị trường cùng với những quyết định kịp thời của Hội đồng Đầu tư, kết quả lợi nhuận đầu tư của ACBS vẫn đạt được hiệu quả nhất định, mặc dù ACBS luôn trong tâm thế hạn chế rủi ro đầu tư ở mức tối đa.

Song hành với sự thay đổi hành vi và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường cơ sở, Nhà đầu tư chứng quyền cũng trở nên phòng thủ hơn và chấp nhận mức định giá thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2021-2023. Với sự thích ứng và kinh nghiệm hoạt động từ năm 2020, ACBS đã cải tiến sản phẩm và thu hút được chú ý nhiều hơn của khách hàng trên thị trường, giúp ACBS gia tăng thị phần trên thị trường chứng quyền và duy trì ổn định trong Nhóm 3 Nhà tạo lập thị trường hàng đầu thị trường Việt Nam. Sản phẩm chứng quyền của ACBS dần dần có tính cạnh tranh cao và trở thành kênh đầu tư phòng vệ và thay thế hợp lý cho Nhà đầu tư yêu thích các cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng trong năm 2025.

Trong chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 vừa được Thủ tướng phê duyệt, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu sẽ đạt 100% GDP năm 2025 và 120% GDP vào năm 2030. Con số này gần gấp đôi so với quy mô vốn hóa hiện tại. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP (trong đó dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% GDP) vào năm 2025 và đạt tối thiểu 58% GDP vào năm 2030. Đi theo dòng chảy ấy, các khoản đầu tư tiếp theo trong năm 2024 của ACBS bắt buộc phải mở rộng mạnh về cả lượng và chất để có thể đem lại không những lợi nhuận cho Công ty, cổ đông mà còn cho khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ liên quan đầu tư của ACBS.

**Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2024 thị trường chứng khoán có diễn biến tương đối tích cực nhưng vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời và bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tăng thêm cho khách hàng. Hoạt động kinh doanh của ACBC tập trung vào việc khai thác tối ưu hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững trong dài hạn.



Kết thúc Quý 1/2025, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau:

- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2,4 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1,9 tỷ đồng

Trong năm 2025, ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBC tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.

⚡ **Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)**

Hiện nay, Công ty đang có tranh chấp Hợp đồng giao dịch ký quỹ với khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn là 1 (một) bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các sự việc mà các Bên khác đang tranh chấp về Hợp đồng mua bán trái phiếu và Bồi thường thiệt hại hợp đồng.

Các tranh chấp/kiện tụng tính đến thời điểm hiện tại không làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

⚡ **Tình hình tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm tài chính đã chào bán.**

Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

**2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2023 – 2024 và lũy kế đến Quý gần nhất**

DVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu (hợp nhất)                   | Năm 2023   | Năm 2024   | % tăng giảm 2024/2023 | Lũy kế đến Quý 1/2025 |
|-----|---------------------------------------|------------|------------|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                  | 11.772.577 | 26.040.684 | 121,2%                | 30.491.212            |
| 2   | Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh | 1.674.713  | 2.534.400  | 51,33%                | 752.866               |
| 3   | Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh | 491.301    | 846.194    | 72,24%                | 181.603               |
| 4   | Lợi nhuận khác                        | 663        | 488        | -26,4%                | (24)                  |



| STT | Chỉ tiêu (hợp nhất)  | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng giảm<br>2024/2023 | Lũy kế đến<br>Quý 1/2025 |
|-----|----------------------|----------|----------|--------------------------|--------------------------|
| 5   | Lợi nhuận trước thuế | 491.965  | 846.682  | 72,10%                   | 181.579                  |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế   | 396.437  | 683.017  | 72,29%                   | 146.101                  |

(Nguồn: BCTC hợp nhất – đã kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý 1/2025 của ACBS)

### 2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành:

#### ✚ Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE

| STT | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 1   | Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56 | CFPT2404       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 14,8960:1        | 120,161 đồng  | 12.000.000                   |
| 2   | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57 | CHPG2409       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 3:1              | 25,000 đồng   | 20.000.000                   |
| 3   | Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58 | CMBB2407       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 1,7377:1         | 22,590 đồng   | 15.000.000                   |
| 4   | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59 | CMSN2406       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 6:1              | 79,000 đồng   | 6.000.000                    |
| 5   | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60 | CMWG2407       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 6:1              | 70,000 đồng   | 18.000.000                   |
| 6   | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61 | CSTB2410       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 3:1              | 38,000 đồng   | 11.000.000                   |
| 7   | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62 | CTCB2403       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 5:1              | 26,000 đồng   | 12.000.000                   |
| 8   | Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63 | CVHM2408       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 4:1              | 38,000 đồng   | 7.000.000                    |
| 9   | Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64 | CVIB2407       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 1,9237:1         | 17,313 đồng   | 9.000.000                    |
| 10  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call                | CVNM2407       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 5,7499:1         | 65,165 đồng   | 9.000.000                    |



| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện   | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|-----------------|------------------------------|
|     | /EU/Cash/12M/65                                 |                |                       |          |                |              |                  |                 |                              |
| 11  | Chứng quyền<br>VPB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/66 | CVPB2409       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 1,9471:1         | 21.418<br>đồng  | 11.000.000                   |
| 12  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/67 | CVRE2407       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 2:1              | 16.000<br>đồng  | 6.000.000                    |
| 13  | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/68 | CFPT2513       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 13:1             | 135.000<br>đồng | 26.700.000                   |
| 14  | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/69 | CHPG2518       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 28.000<br>đồng  | 31.900.000                   |
| 15  | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/70 | CMBB2511       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 25.000<br>đồng  | 35.200.000                   |
| 16  | Chứng quyền<br>MSN/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/71 | CMSN2512       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 7:1              | 60.000<br>đồng  | 10.000.000                   |
| 17  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/72 | CMWG2511       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 6:1              | 64.000<br>đồng  | 27.600.000                   |
| 18  | Chứng quyền<br>STB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/73 | CSTB2515       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 40.000<br>đồng  | 25.500.000                   |
| 19  | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/74 | CTCB2507       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 28.500<br>đồng  | 20.100.000                   |
| 20  | Chứng quyền<br>TPB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/75 | CTPB2503       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 13.000<br>đồng  | 12.900.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện   | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|-----------------|------------------------------|
| 21  | Chứng quyền<br>VHM/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/76 | CVHM2512       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 4:1              | 58.000<br>đồng  | 10.000.000                   |
| 22  | Chứng quyền<br>VIB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/77 | CVIB2504       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 19.000<br>đồng  | 16.600.000                   |
| 23  | Chứng quyền<br>VNM/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/78 | CVNM2511       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 6:1              | 55.000<br>đồng  | 14.200.000                   |
| 24  | Chứng quyền<br>VPB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/79 | CVPB2513       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 18.000<br>đồng  | 29.500.000                   |
| 25  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/80 | CVRE2512       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 23.5000<br>đồng | 11.000.000                   |

⬇ Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

| STT | Tên chứng quyền                                | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện  | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|----------------|------------------------------|
| 1   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/3M/01 | CHPG2023       | Mua/<br>Châu Âu       | 3 tháng  | 12/10/2020     | 12/01/2021   | 1:1              | 28.500<br>đồng | 2.000.000                    |
| 2   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/6M/02 | CHPG2102       | Mua/<br>Châu Âu       | 6 tháng  | 05/01/2021     | 05/07/2021   | 0,7352:1         | 30.144<br>đồng | 4.000.000                    |
| 3   | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/9M/05 | CTCB2101       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 05/01/2021     | 05/10/2021   | 1:1              | 31.000<br>đồng | 2.000.000                    |
| 4   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/4M/05 | CHPG2110       | Mua/<br>Châu Âu       | 4 tháng  | 04/08/2021     | 06/12/2021   | 5:1              | 44.000<br>đồng | 10.000.000                   |
| 5   | Chứng quyền<br>VNM/ACBS/Call                   | CVNM2108       | Mua/<br>Châu Âu       | 4 tháng  | 04/08/2021     | 06/12/2021   | 9,8301:1         | 78.641<br>đồng | 5.000.000                    |



| STT | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
|     | /EU/Cash/4M/07                           |                |                       |          |                |              |                  |               |                              |
| 6   | Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10  | CFPT2104       | Mua/Châu Âu           | 4 tháng  | 04/08/2021     | 06/12/2021   | 9,8947:1         | 79.158 đồng   | 7.000.000                    |
| 7   | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04 | CMWG2104       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 22/03/2021     | 22/03/2022   | 6,6444:1         | 89.699 đồng   | 5.000.000                    |
| 8   | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06  | CTCB2105       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 04/08/2021     | 04/05/2022   | 5:1              | 45.000 đồng   | 15.000.000                   |
| 9   | Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08  | CVRE2105       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 04/08/2021     | 04/05/2022   | 5:1              | 30.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 10  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09  | CMSN2104       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 04/08/2021     | 04/05/2022   | 8,3261:1         | 98.248 đồng   | 5.000.000                    |
| 11  | Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11  | CVHM2115       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 17/11/2021     | 17/08/2022   | 9,7163:1         | 91.333 đồng   | 15.000.000                   |
| 12  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12  | CHPG2208       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 3,7823:1         | 30.258 đồng   | 10.000.000                   |
| 13  | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13  | CTCB2204       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 5:1              | 45.000 đồng   | 5.000.000                    |
| 14  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14  | CMSN2202       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 8,2758:1         | 126.620 đồng  | 5.000.000                    |
| 15  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15  | CMWG2204       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 4,9711:1         | 72.080 đồng   | 5.000.000                    |
| 16  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16  | CVNM2204       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 9,6717:1         | 70.603 đồng   | 5.000.000                    |
| 17  | Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17  | CVRE2204       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 5:1              | 33.000 đồng   | 5.000.000                    |
| 18  | Chứng quyền VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18  | CVIC2203       | Mua/Châu Âu           | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 10:1             | 86.000 đồng   | 5.000.000                    |
| 19  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/               | CHPG2225       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 17.000 đồng   | 18.000.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                                | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện   | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|-----------------|------------------------------|
|     | EU/Cash/8M/19                                  |                |                       |          |                |              |                  |                 |                              |
| 20  | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/8M/20 | CTCB2214       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 27.000<br>đồng  | 4.500.000                    |
| 21  | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/8M/21 | CMBB2213       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 17.000<br>đồng  | 9.000.000                    |
| 22  | Chứng quyền<br>MSN/ACBS/Call/<br>EU/Cash/8M/22 | CMSN2214       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 10:1             | 100.000<br>đồng | 3.000.000                    |
| 23  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call<br>/EU/Cash/8M/23 | CMWG2213       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 6:1              | 54.000<br>đồng  | 9.000.000                    |
| 24  | Chứng quyền<br>VNM/ACBS/Call<br>/EU/Cash/8M/24 | CVNM2211       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 5,8946:1         | 66.806<br>đồng  | 6.000.000                    |
| 25  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/<br>EU/Cash/8M/25 | CVRE2219       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 29.000<br>đồng  | 4.500.000                    |
| 26  | Chứng quyền<br>VHM/ACBS/Call<br>/EU/Cash/8M/26 | CVHM2218       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 6:1              | 54.000<br>đồng  | 9.000.000                    |
| 27  | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/8M/27 | CFPT2212       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 10:1             | 70.000<br>đồng  | 8.000.000                    |
| 28  | Chứng quyền<br>POW/ACBS/Call/<br>EU/Cash/8M/28 | CPOW2210       | Mua/<br>Châu Âu       | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 1:1              | 13.000<br>đồng  | 2.000.000                    |
| 29  | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/9M/29 | CHPG2306       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 3:1              | 20.000<br>đồng  | 24.000.000                   |
| 30  | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/9M/30 | CFPT2303       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 8,4983:1         | 73.085<br>đồng  | 8.000.000                    |
| 31  | Chứng quyền<br>STB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/9M/31 | CSTB2303       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 2:1              | 22.000<br>đồng  | 10.000.000                   |
| 32  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call<br>/EU/Cash/9M/32 | CMWG2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 5,943:1          | 49.525<br>đồng  | 12.000.000                   |
| 33  | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/9M/33 | CFPT2311       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 9,8844:1         | 88.960<br>đồng  | 10.000.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện  | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|----------------|------------------------------|
|     | EU/Cash/7M/42                                   |                | Châu Âu               |          |                |              |                  | đồng           |                              |
| 34  | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/43  | CHPG2330       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 3:1              | 31.000<br>đồng | 12.000.000                   |
| 35  | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/44  | CMBB2313       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 2:1              | 21.000<br>đồng | 10.000.000                   |
| 36  | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/45  | CTCB2308       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 3:1              | 37.000<br>đồng | 9.000.000                    |
| 37  | Chứng quyền<br>STB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/33 | CSTB2306       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 2:1              | 30.000<br>đồng | 19.000.000                   |
| 38  | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/34 | CMBB2306       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 1,6965:1         | 16.965<br>đồng | 20.000.000                   |
| 39  | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/35 | CHPG2309       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3:1              | 24.000<br>đồng | 25.000.000                   |
| 40  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/36 | CMWG2305       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3,962:1          | 35.658<br>đồng | 9.000.000                    |
| 41  | Chứng quyền<br>VIB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/37 | CVIB2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 1,5718:1         | 18.076<br>đồng | 15.000.000                   |
| 42  | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/38 | CTCB2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3:1              | 27.000<br>đồng | 14.000.000                   |
| 43  | Chứng quyền<br>VHM/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/39 | CVHM2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 4:1              | 50.000<br>đồng | 12.000.000                   |
| 44  | Chứng quyền<br>MSN/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/40 | CMSN2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 6:1              | 66.000<br>đồng | 6.000.000                    |
| 45  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/41 | CVRE2303       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3:1              | 25.000<br>đồng | 8.000.000                    |
| 46  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/10M/46 | CMWG2316       | Mua/<br>Châu Âu       | 10 tháng | 24/10/2023     | 23/08/2024   | 6:1              | 48.000<br>đồng | 10.000.000                   |
| 47  | Chứng quyền<br>STB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/10M/47 | CSTB2334       | Mua/<br>Châu Âu       | 10 tháng | 24/10/2023     | 23/08/2024   | 3:1              | 27.000<br>đồng | 8.000.000                    |



| STT | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 48  | Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48 | CVIB2306       | Mua/Châu Âu           | 10 tháng | 24/10/2023     | 23/08/2024   | 1,8879:1         | 16.047 đồng   | 7.000.000                    |
| 49  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49 | CHPG2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 2,7268:1         | 28.177 đồng   | 10.500.000                   |
| 50  | Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50 | CMBB2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 1,7003:1         | 20.403 đồng   | 11.000.000                   |
| 51  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51 | CMWG2401       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 4:1              | 66.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 52  | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52 | CSTB2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 3:1              | 30.000 đồng   | 10.500.000                   |
| 53  | Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53 | CVIB2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 1,6444:1         | 19.732 đồng   | 10.000.000                   |
| 54  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54 | CVNM2401       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 7,4141:1         | 61.166 đồng   | 8.000.000                    |
| 55  | Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55 | CVPB2401       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 1,8488:1         | 19.412 đồng   | 9.000.000                    |

(\*) Nghĩa vụ thanh toán: Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

**3. Tình hình tài chính****3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn

**3.2. Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

**3.3. Tổng dư nợ vay và tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả)**

Thông tin về các khoản nợ quá hạn, tổng dư nợ bảo lãnh (nếu có), quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, do đó, nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, khả năng thu hồi: Không có.

DVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu (hợp nhất) | Năm 2023  | Năm 2024   | % tăng giảm 2024/2023 | Lũy kế đến Quý 1/2025 |
|-----|---------------------|-----------|------------|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Tổng dư nợ vay      | 5.922.517 | 16.403.200 | 176,96%               | 16.790.140            |
| 2   | Tổng nợ phải thu    | 4.586.072 | 9.604.261  | 109,42%               | 9.593.472             |
| 3   | Tổng nợ phải trả    | 6.203.877 | 16.788.955 | 170,62%               | 18.093.395            |

(Nguồn: BCTC hợp nhất – đã kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý 1/2025 của ACBSs)

**3.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| STT | Chỉ tiêu (hợp nhất)                                                                 | Năm 2023  | Năm 2024  | Ghi chú  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|
| 1   | <b>Chỉ tiêu về an toàn tài chính (triệu đồng)</b>                                   |           |           |          |
| 1.1 | - Giá trị vốn khả dụng                                                              | 5.179.607 | 8.800.225 |          |
| 1.2 | - Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) | 798.400   | 1.558.550 |          |
| 1.3 | - Tỷ lệ vốn khả dụng (%):<br>(Giá trị vốn khả dụng/Tổng rủi ro)                     | 648,75%   | 564,64%   |          |
| 2   | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)</b>                                        |           |           |          |
| 2.1 | - Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>(TSLD/Nợ ngắn hạn)                                  | 1,86      | 1,54      |          |
| 2.2 | - Hệ số thanh toán nhanh:                                                           | 1,86      | 1,54      | Không có |



| STT      | Chỉ tiêu (hợp nhất)                                       | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú      |
|----------|-----------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|
|          | <i>((TSLD – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)</i>                |          |          | hàng tồn kho |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)</b>                       |          |          |              |
| 3.1      | - Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)                             | 0,53     | 0,64     |              |
| 3.2      | - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)                          | 1,11     | 1,81     |              |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)</b>                |          |          |              |
| 4.1      | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | 0,24     | 0,27     |              |
| 4.2      | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 0,07     | 0,07     |              |
| 4.3      | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 0,03     | 0,03     |              |
| 4.4      | - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,29     | 0,33     |              |
| 4.5      | - Thu nhập trên cổ phần (EPS)                             | N/A      | N/A      | (*)          |

(Nguồn: ACBS)

(\*): ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS.

## VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Thông tin chung về chứng quyền

#### 1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành

- Tên chứng quyền: **Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86**
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **TCB.**
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**
- Loại chứng quyền (mua/bán): **Chứng quyền Mua.**
- Kiểu chứng quyền (châu Âu/Mỹ): **Châu Âu.**
- Phương thức thanh toán thực hiện quyền: **Thanh toán tiền (VND).**



- Thời hạn: **7 tháng**.
- Ngày phát hành (dự kiến): Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán.
- Ngày đáo hạn: **Ngày tròn 7 tháng kể từ ngày phát hành**.
- Tỷ lệ chuyển đổi: **2:1**.
- Giá thực hiện: Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Giá chào bán thấp nhất (dự kiến): 1.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Giá chào bán cao nhất (dự kiến): 2.500 đồng/chứng quyền. Giá chào bán được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: **16.000.000** chứng quyền.
- Tổng giá trị chứng quyền chào bán (dự kiến): **16.000.000.000** (mười sáu tỷ) đồng đến **40.000.000.000** (bốn mươi tỷ) đồng.
- Tài sản bảo đảm thanh toán: Bằng tiền (VND), ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng lưu ký
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 50% giá trị chứng quyền chào bán.
- Phương pháp tính giá: theo công thức Black Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua.

N(d<sub>1</sub>), N(d<sub>2</sub>): Xác suất phân phối chuẩn tích lũy.



| Tham số                                                                    | Phương pháp tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| X: Giá thực hiện của chứng quyền.                                          | Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| S: Giá CKCS hiện tại.                                                      | Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)                       | Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| $r_c$ : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).                               | Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2% tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| $\sigma$ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm). | <p>Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ <math>\times (1 + \text{hệ số điều chỉnh})</math></p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất.</li> <li>- Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.</li> <li>- Độ biến động phải được cập nhật ít nhất 12 tháng/lần.</li> </ul> |
| k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền                                            | Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị CKCS.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

## 1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó:

- Không có.

## 2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

### 2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên chứng khoán cơ sở: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)
- Thời điểm niêm yết lần đầu của chứng khoán cơ sở (TCB): 04/06/2018



- Chỉ số giá/thu nhập P/E (theo EPS 4 quý gần nhất và giá thời điểm 22/05/2025): 10,12 lần
- Mức vốn hóa (tại ngày 22/05/2025): 215.478 tỷ đồng.
- Dao động bình quân của giá chứng khoán cơ sở (TCB) trong 6 tháng gần nhất: 34,92%
- Tình thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm 2024:
  - ✓ Khối lượng giao dịch bình quân trong năm: 14.595.935 cổ phiếu;
  - ✓ Giá giao dịch cao nhất trong năm (đã điều chỉnh chia tách): 24.900 đồng/cổ phiếu;
  - ✓ Giá giao dịch thấp nhất trong năm (đã điều chỉnh chia tách): 15.808 đồng/cổ phiếu;
  - ✓ Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối năm (đã điều chỉnh chia tách): 24.650 đồng/cổ phiếu.

## 2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

- Tên tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.
- Mã chứng khoán cơ sở: TCB.
- Lĩnh vực hoạt động: Tài chính – Ngân hàng.
- ✓ Huy động vốn ngắn hạn, trung và dài hạn dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
- ✓ Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước, vay vốn của các tổ chức tín dụng khác;
- ✓ Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn;
- ✓ Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- ✓ Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật;
- ✓ Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- ✓ Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế;
- ✓ Hoạt động thanh toán;
- ✓ Huy động vốn từ nước ngoài và các dịch vụ khác
- Tình hình hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh 2023 – 2024 và lũy kế đến gần nhất (Hợp nhất):

DVT: triệu đồng



| STT | Chỉ tiêu (tỷ đồng)                           | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng giảm 2024/2023 | Lũy kế đến Quý 1/2025 |
|-----|----------------------------------------------|----------|----------|-----------------------|-----------------------|
| 1   | Tổng tài sản                                 | 849.482  | 978.799  | 15,22%                | 989.216               |
| 2   | Vốn chủ sở hữu                               | 131.616  | 147.940  | 12,40%                | 153.953               |
| 3   | Số dư huy động tiền gửi                      | 454.661  | 533.392  | 17,32%                | 531.583               |
| 4   | Số dư cho vay (tổng dư nợ)                   | 518.642  | 631.725  | 21,80%                | 663.693               |
| 5   | Nợ xấu (nhóm 3-5)                            | 5.999    | 7.101    | 18,36%                | 7.784                 |
| 6   | Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ                      | 1,2%     | 1,1%     | N/A                   | 1,2%                  |
| 7   | Thuế và các khoản phải nộp                   | 4.278    | 5.664    | 32,39%                | 1.557                 |
| 8   | Tổng thu nhập hoạt động                      | 40.061   | 46.990   | 17,30%                | 11.611                |
| 9   | Lợi nhuận trước dự phòng                     | 26.809   | 31.621   | 17,95%                | 8.326                 |
| 10  | Lợi nhuận trước thuế                         | 22.888   | 27.538   | 20,32%                | 7.236                 |
| 11  | Lợi nhuận sau thuế                           | 18.004   | 21.523   | 19,55%                | 5.948                 |
| 12  | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | 14,84%   | 15,61%   | N/A                   | 3,97%                 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, năm 2024 và BCTC hợp nhất quý 1/2025 TCB)

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất):

| STT | Chỉ tiêu                                    | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-----|---------------------------------------------|----------|----------|
| 1   | Chỉ tiêu về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động |          |          |
| 1.2 | - Tỷ lệ an toàn vốn (theo Thông tư 41)      | 14,0%    |          |
| 1.3 | - Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi huy động      | 114,1%   | 118,4%   |
| 2   | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                      |          |          |



| STT      | Chỉ tiêu                                   | Năm 2023 | Năm 2024 |
|----------|--------------------------------------------|----------|----------|
| 2.1      | - Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)              | 84,51%   | 84,89%   |
| 2.2      | - Hệ số Vốn chủ sở hữu (VCSH)/Tổng tài sản | 15,5%    | 15,1%    |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>       |          |          |
| 3.1      | - ROA (tính trên TTS bình quân)            | 2,33%    | 2,35%    |
| 3.2      | - ROE (tính trên VCSH bình quân)           | 14,84%   | 15,61%   |
| 3.3      | - EPS (đồng)                               | 2.549    | 3.049    |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 của TCB)

### 3. Thời gian phân phối chứng quyền

ACBS dự kiến phân phối chứng quyền ngay sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định.

Thời gian phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có hiệu lực.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thời gian (Dự kiến)   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm                                                                                                                                                                                                                                                                                    | T (ngày làm việc)     |
| 2   | Công bố thông tin về đợt phát hành tài liệu công bố thông tin bao gồm:<br>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.<br>- Thông báo phát hành chứng quyền.<br>- Bản cáo bạch chào bán chứng quyền.<br>(*) ACBS ký quỹ đảm bảo thanh toán tại ngân hàng lưu ký và gửi đến UBCKNN trong vòng 24h, kể từ khi ký kết văn bản ký quỹ trên. | T - Tối đa T + 3 (T1) |
| 3   | Phân phối chứng quyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | T1 - Tối đa T + 7     |
| 4   | Báo cáo và công bố thông tin kết quả phân phối                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tối đa T + 10         |



| STT | Nội dung                                                                           | Thời gian (Dự kiến) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|     | chứng quyền (trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phân phối chứng quyền) |                     |

**(\*) Ghi chú:**

- Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại bản Thông báo phát hành.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được ACBS ký quỹ tại ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của ACBS hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Việc phân phối chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi ACBS bảo đảm người mua chứng quyền tiếp cận được Bản cáo bạch và sau khi ACBS gửi UBCKNN văn bản xác nhận về tài sản đảm bảo thanh toán.

**4. Đăng ký mua chứng quyền****Thời hạn đăng ký mua**

ACBS sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Theo dự kiến, thời gian nhà đầu tư đăng ký mua là trong vòng tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực.

**Cách thức đăng ký**

Nhà đầu tư trực tiếp đăng ký mua chứng quyền tại trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của ACBS sau khi tiếp cận được Bản cáo bạch theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo các nội dung tại Thông báo phát hành chứng quyền của ACBS.

**Phương thức thanh toán**

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB.**
- Số tài khoản: **8690023981** tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

**Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết**



Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của HOSE sau khi chứng quyền được niêm yết trên HOSE.

#### **Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán**

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định dựa trên nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

$$\text{Số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua} = \text{Tổng số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{Số chứng quyền của từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền của các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Số lượng chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (100 chứng quyền), đồng thời tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp đối với số lượng chứng quyền còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống (nếu có), số chứng quyền này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau. Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của ACBS.

### **5. Thực hiện chứng quyền**

#### **5.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):**

- Ngày T - 7: VSDC lập và gửi cho HOSE, các Thành viên lưu ký Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- Ngày T: ACBS gửi thông báo giá thanh toán chứng quyền cho VSDC.
- Ngày T + 1 (9h): VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho Thành viên Lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).
- Ngày T + 1 (11h): Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin trong Danh sách do VSDC cung cấp và gửi cho VSDC thông báo xác nhận (dưới dạng chứng từ điện tử).



Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).

- Ngày T + 2: VSDC gửi cho ACBS Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền
- Ngày T + 3: ACBS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, ACBS phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

Trong ngày T + 3, ACBS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.

- Ngày T + 4: VSDC phân bổ tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền trong ngày thanh toán (ngày T + 5).
- Ngày T + 5: là ngày thanh toán tiền. Tại ngày này, Thành viên lưu ký thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

#### **Lưu ý:**

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền: Là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng  $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$ .
- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa trong 05 ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
- Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán sau khi đã giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (thuế thu nhập cá nhân và các chi phí khác, nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

#### **5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:**

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, thì việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy trình thanh lý tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm. Tài sản dùng để thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;



- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Nếu trường hợp, Tổ chức phát hành vẫn không đủ tài sản để thanh toán cho nhà đầu tư, thì sẽ giải quyết theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

#### 6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể: việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes nêu tại mục 1.1. phần V của Bản cáo bạch này.

#### 7. Điều chỉnh chứng quyền

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới ...
- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
  - ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
  - ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở)



sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

- ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ  $\times$  (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của HOSE, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp theo quy định.

**8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền**

- **Phí giao dịch:** Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.
- **Thuế:** khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi, mức thuế suất áp dụng là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Lưu ý: trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

**Ví dụ về cách tính thuế:**

- ✓ **Trường hợp 1:** Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần).

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là HPG với giá 2.000 VND/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 30.000 VND. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 3.000 VND/chứng quyền, số thuế phải nộp là:  $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VND}$ .

- ✓ **Trường hợp 2:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường  $\times$  Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố  $\times$  Số lượng chứng



quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 3.000 VND/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là:  $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VND}$ .

- ✓ **Trường hợp 3:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn, và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 30.000 VND/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là:  $30.000 \times 100 \times 0,1\% = 3.000 \text{ VND}$

- ✓ **Trường hợp 4:** trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là MWG với tỷ lệ chuyển đổi là 1 : 1, giá thực hiện là 100.000 VND.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VND/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ tổ chức phát hành là:  $(100.100 - 100.000) \times 100 = 10.000 \text{ VND}$ .

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là:  $100.100 \times 100 \times 0,1\% = 10.010 \text{ VND}$ .

Như vậy, trong trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư được nhận là  $(10.010 - 10.000) = 10 \text{ VND}$ .

- **Phí thực hiện quyền:** nhà đầu tư phải trả phí cho VSDC theo quy định.
- **Phí lưu ký, chuyển khoản:** Áp dụng theo quy định của VSDC.

## 9. Hoạt động tạo lập thị trường

ACBS phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- ✓ Chỉ có lệnh bên mua hoặc lệnh bên bán chứng quyền.



- ✓ Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền.
- ✓ Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của giá (giá chào bán thấp nhất – giá chào mua cao nhất)/ giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường ACBS phải tuân thủ:

- ✓ Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.
- ✓ Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.
- ✓ Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch 5%
- ✓ Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, ACBS phát yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán)
- ✓ Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

Trong các trường hợp sau, ACBS không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- ✓ Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa (ATO), năm (05) phút đầu sau khi kết thúc ATO và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC).
- ✓ Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch.
- ✓ Giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của ACBS nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng.
- ✓ Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu (100 chứng quyền) ACBS được miễn đặt lệnh bán.
- ✓ Chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp ACBS chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), ACBS được miễn đặt lệnh mua.
- ✓ Trường hợp thực hiện huỷ niêm yết chứng quyền, ACBS được miễn đặt lệnh bán.
- ✓ Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua.
- ✓ Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán.
- ✓ Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán.
- ✓ Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức là chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá



chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), ACBS được miễn đặt lệnh bán.

- ✓ Trong 14 ngày trước khi chứng quyền đáo hạn.
- ✓ Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, ...
- ✓ Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.
- ✓ SGDCK sẽ thực hiện giám sát việc yết giá tạo lập thị trường của ACBS và yêu cầu ACBS giải trình nếu cần.

## VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### 1. Quy trình quản trị rủi ro

#### 1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan

##### ✚ Hội đồng thành viên ACBS

- Phê chuẩn các hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS trong hạn mức được quy định tại ACBS.
- Phê chuẩn nguồn vốn phân bổ cho toàn bộ hoạt động phát hành chứng quyền theo quy định của UBCK và pháp luật.
- Phê chuẩn các kịch bản cho hoạt động phòng ngừa rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền, bao gồm và không giới hạn trong việc quyết định các hạn mức quy mô, hạn mức tổn thất tối đa, lợi nhuận kỳ vọng, vị thế phòng ngừa rủi ro; phù hợp với hạn mức đầu tư và khẩu vị rủi ro trong hoạt động đầu tư đã được phê duyệt bởi Hội đồng thành viên ACBS (nếu có).
- Phê duyệt và ban hành Quy trình quản trị rủi ro và các Quy trình nội bộ có liên quan.

##### ✚ Tổng Giám đốc ACBS

- Chịu trách nhiệm về việc triển khai các phê chuẩn của Hội đồng thành viên ACBS.
- Thực hiện theo phân quyền hạn mức phán quyết của Hội đồng thành viên ACBS.
- Đảm bảo Quy trình được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng.

##### ✚ Phòng Quản lý rủi ro:

- Đề xuất các hạn mức quy mô và hạn mức ngăn lỗ cho các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.



- Theo dõi và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền, các rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi của ACBS.
- Đưa ra các đề xuất hoặc cảnh báo khi hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền chạm các hạn mức hoặc giới hạn nội bộ và quy định pháp luật.

✦ **Phòng Thị trường Phái sinh**

Theo dõi, tuân thủ và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho việc phát hành chứng quyền, rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi ACBS. Đồng thời, báo cáo ngay các nội dung này cho Cấp có thẩm quyền để xem xét và có hướng xử lý.

✦ **Phòng Pháp chế:**

Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các nội dung trong Quy trình quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS.

✦ **Phòng Kiểm soát nội bộ:**

Giám sát thực hiện các quy định và quy trình về quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo các hoạt động này được thực hiện một cách cân trọng, đúng trình tự, đồng thời tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành.

**1.2. Quy trình quản trị rủi ro**

ACBS thực hiện quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền theo các bước, trình tự như sau:

✦ **Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền**

Trong hoạt động phát hành chứng quyền ACBS có thể gặp phải các rủi ro chính như sau:

**a. Rủi ro thanh toán:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư. Ví dụ: ACBS bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền đo không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.

**b. Rủi ro thị trường:**

- Rủi ro phát sinh do các biến động kinh tế vĩ mô và vĩ mô tác động tiêu cực đến một hoặc một số ngành nghề, đối tượng doanh nghiệp nhất định, từ đó gây nên tâm lý hoảng loạn và hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở.

Rủi ro phát sinh do các biến động xuất phát từ các yếu tố chính trị - xã hội trong và ngoài nước dẫn đến hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở trên diện rộng;



- Rủi ro phát sinh do các hoạt động thao túng giá và thanh khoản trên thị trường mà ACBS chưa thể hoặc không thể nhận diện được.

**c. Rủi ro pháp lý:**

- Rủi ro phát sinh do chính sách kinh doanh của ACBS không tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
- Rủi ro phát sinh do các phòng ban, nghiệp vụ, nhân viên ACBS thực hiện công việc không tuân thủ với quy định của pháp luật hiện hành.
- Rủi ro phát sinh do các quy định pháp lý liên quan thay đổi mang tính bất lợi hoặc ACBS khó xử lý nhanh dẫn đến chưa đáp ứng hoàn toàn các thay đổi theo quy định của pháp luật.
- Rủi ro phát sinh do các điều khoản trong hợp đồng kinh tế chưa rõ ràng dẫn đến khách hàng khiếu kiện hoặc ACBS không thể khiếu kiện khách hàng hoặc khả năng thắng kiện thấp.
- Rủi ro pháp lý phát sinh dẫn đến ACBS bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.

**d. Rủi ro hoạt động:**

- Rủi ro phát sinh do ACBS chưa hoàn thiện/cập nhật quy trình vận hành hiện tại.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới khách hàng có thể thực hiện các giao dịch không đúng quy định tại ACBS.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới tính toán tỷ lệ/giá trị hedging bị lỗi/bị sai dẫn đến mua bán chứng khoán cơ sở/chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro.
- Rủi ro phát sinh do nhân viên vô tình hoặc cố tình không tuân thủ các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.
- Rủi ro phát sinh do các yếu tố khách quan bên ngoài như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, ...

- e. Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc cổ thanh khoản thấp.

**➤ Bước 2: Phân tích rủi ro**

- a. Rủi ro thanh toán:** Với quy mô của ACBS cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền



và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại ACBS là thấp, bên cạnh đó ACBS cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.

- b. **Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao nhất đồng thời là rủi ro khó phòng ngừa nhất trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo; khi rủi ro phát sinh cũng gây thiệt hại lớn trong hoạt động kinh doanh của ACBS.
- c. **Rủi ro pháp lý:** Có thể xảy ra nếu ACBS vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.
- d. **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.
- e. **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

### ➤ **Bước 3: Kiểm soát rủi ro**

Dựa trên việc đánh giá các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh chứng quyền tại ACBS, công ty xây dựng biện pháp kiểm soát rủi ro cụ thể cho từng loại rủi ro như sau :

#### **a. Rủi ro thanh toán:**

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:
  - ✓ *Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán;*
  - ✓ *Bên cạnh đó ACBS luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.*
- Cách thực hiện:
  - ✓ *Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro;*
  - ✓ *Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của ACBS bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.*
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, hệ thống BI, các báo cáo giám sát.

#### **b. Rủi ro thanh khoản**



- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
- Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chỉ phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát.

**c. Rủi ro hoạt động**

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
- Cách thực hiện:
  - ✓ Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.
  - ✓ Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
  - ✓ Tiến hành đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.
  - ✓ Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên ACBS để có điều chỉnh nếu cần.
  - ✓ Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Công cụ thực hiện:
  - ✓ Các quy trình làm việc.
  - ✓ Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.

**d. Rủi ro pháp lý**

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
- Cách thực hiện:
  - ✓ Bộ phận luật thực hiện rà soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng.
  - ✓ Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.



- ✓ Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của ACBS về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.

- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của ACBS.

#### ➤ **Bước 4: Giám sát rủi ro**

- Hoạt động quản trị rủi ro được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát cụ thể theo quy định của UBCKNN, HOSE và của ABCS. Giám sát rủi ro cho hoạt động hedging được thực hiện theo quy trình của hoạt động hedging.
- Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro thích hợp.

## **2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến**

### **2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro**

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với ACBS và người sở hữu chứng quyền.

### **2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro**

#### **Ban điều hành có trách nhiệm:**

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

#### **Bộ phận Kiểm soát nội bộ (thuộc Phòng Kiểm soát nội bộ) có trách nhiệm:**

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng Thành viên và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng định, quy trình và chính sách của công ty.
- Giám sát và đánh giá các xung đột lợi ích nếu có.

#### **Bộ phận Quản lý Rủi ro (thuộc Phòng Quản lý Rủi ro) có trách nhiệm:**

- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của ACBS, của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng



quyền.

- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của ACBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

#### **Phòng Thị trường Phái sinh có trách nhiệm:**

- Trực tiếp tham gia vào quy trình phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản lý Rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

#### **Thông tin về các nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền**

Ông Huỳnh Minh Tuấn – Phó Giám đốc Phòng Thị trường Phái sinh.

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ phân tích tài chính bậc 3 (CFA Level 3), Chứng chỉ hành nghề phân tích của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán.

### **2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát**

ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

#### **a. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro**

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

#### **b. Vị thế phòng ngừa rủi ro**

#### **Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro**

- Hệ số phòng ngừa rủi ro được ACBS áp dụng là hệ số Delta.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.
- Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$\Delta_{\text{CALL}} = N(d_1)$$



Trong đó:

- $\Delta_{CALL}$ : Giá trị delta của chứng quyền mua;
- $N(d1)$ : xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với  $d1$  được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số đầu vào trong công thức trên được xác định như sau:

| Tham số                                                                    | Phương pháp tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| X: Giá thực hiện của chứng quyền.                                          | Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.                                         | Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)                       | Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| $r_c$ : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).                               | Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2% tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| $\sigma$ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm). | Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ x (1 + hệ số điều chỉnh)<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất.</li> <li>- Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.</li> <li>- Độ biến động phải được cập nhật ít nhất 12 tháng/lần.</li> </ul> |
| k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền                                            | Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết



- ACBS xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI} / k$$

Trong đó:

- P: Số lượng chứng khoán cơ sở do ACBS dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- OI: Số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.
- k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức  $\text{DeltaCALL} = N(d1)$ .

#### Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế

- ACBS sử dụng chứng khoán cơ sở, và số tiền đã nộp trên tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro.
- Vị thế phòng ngừa thực tế ( $P_{TT}$ ) của ACBS được xác định như sau:

$$P_{TT} = P_{CKCS} + P_{QD}$$

Trong đó:

- $P_{CKCS}$ : Số lượng chứng khoán cơ sở do ACBS thực tế nắm giữ để phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- $P_{QD}$ : Số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ số tiền có trong tài khoản tự doanh của ACBS. Công thức tính như sau: lấy số tiền ACBS đã nộp vào tài khoản tự doanh chia cho giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.
- Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta P_{TT} \% = (P - P_{TT}) / P \times 100 \%$$

Trong đó:

- $\Delta P_{TT} \%$ : Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T.
- P: Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.
- $P_{TT}$ : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.
- ACBS thực hiện phòng ngừa rủi ro để đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt



quá 20%.

**c. Phương án phòng ngừa rủi ro**

- ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

**d. Ví dụ minh họa**

- Giả sử ACBS phát hành chứng quyền có bảo đảm với các thông số đầu vào mô tả như bên dưới:
  - Tài sản cơ sở: ABC (mã chứng khoán cơ sở giả định).
  - Ngày phát hành: 15/10/2020.
  - Ngày niêm yết 22/10/2020.
  - Ngày đáo hạn: 15/01/2021.
  - Hệ số chuyển đổi: 1:1.
  - Lãi suất: 7%.
  - Độ biến động giá kỳ vọng: 36%.
  - Giá thực hiện: 24.000.
- ACBS thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu ABC khi giá cổ phiếu ABC thay đổi như sau:

| Ngày       | Giá cổ phiếu ABC | Delta | Số lượng chứng quyền đang lưu hành | Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết | Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế | Thay đổi của số lượng cổ phiếu ABC |
|------------|------------------|-------|------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| 21/10/2020 | 24.000           | 0,57  | 1.000.000                          | 570.000                            | 700.000                          | 0                                  |
| 22/10/2020 | 25.000           | 0,66  | 900.000                            | 594.000                            | 700.000                          | 0                                  |
| 23/10/2020 | 23.500           | 0,53  | 900.000                            | 477.000                            | 700.000                          | 0                                  |
| 26/10/2020 | 24.500           | 0,62  | 950.000                            | 589.000                            | 700.000                          | 0                                  |
| 27/10/2020 | 26.000           | 0,74  | 1.000.000                          | 740.000                            | 900.000                          | + 200.000                          |
| 28/10/2020 | 25.000           | 0,66  | 1.000.000                          | 660.000                            | 800.000                          | -100.000                           |

**3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền:**

ACBS đã phát hành chứng quyền với các thông số như sau:



⬇ Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE

| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện   | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|-----------------|------------------------------|
| 1   | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/E<br>U/Cash/12M/56 | CFPT2404       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 14,8960:1        | 120.161<br>đồng | 12.000.000                   |
| 2   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/57 | CHPG2409       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 3:1              | 25.000<br>đồng  | 20.000.000                   |
| 3   | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/58 | CMBB2407       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 1,7377:1         | 22.590<br>đồng  | 15.000.000                   |
| 4   | Chứng quyền<br>MSN/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/59 | CMSN2406       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 6:1              | 79.000<br>đồng  | 6.000.000                    |
| 5   | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/60 | CMWG2407       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 6:1              | 70.000<br>đồng  | 18.000.000                   |
| 6   | Chứng quyền<br>STB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/61 | CSTB2410       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 3:1              | 38.000<br>đồng  | 11.000.000                   |
| 7   | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/62 | CTCB2403       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 5:1              | 26.000<br>đồng  | 12.000.000                   |
| 8   | Chứng quyền<br>VHM/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/63 | CVHM2408       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 4:1              | 38.000<br>đồng  | 7.000.000                    |
| 9   | Chứng quyền<br>VIB/ACBS/Call/E<br>U/Cash/12M/64 | CVIB2407       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 1,9237:1         | 17.313<br>đồng  | 9.000.000                    |
| 10  | Chứng quyền<br>VNM/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/65 | CVNM2407       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 5,7499:1         | 65.165<br>đồng  | 9.000.000                    |
| 11  | Chứng quyền<br>VPB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/66 | CVPB2409       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 1,9471:1         | 21.418<br>đồng  | 11.000.000                   |
| 12  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/67 | CVRE2407       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 04/11/2024     | 04/11/2025   | 2:1              | 16.000<br>đồng  | 6.000.000                    |
| 13  | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/68 | CFPT2513       | Mua/Châu<br>Âu        | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 13:1             | 135.000<br>đồng | 26.700.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 14  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69 | CHPG2518       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 28.000 đồng   | 31.900.000                   |
| 15  | Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70 | CMBB2511       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 25.000 đồng   | 35.200.000                   |
| 16  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71 | CMSN2512       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 7:1              | 60.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 17  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72 | CMWG2511       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 6:1              | 64.000 đồng   | 27.600.000                   |
| 18  | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73 | CSTB2515       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 40.000 đồng   | 25.500.000                   |
| 19  | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74 | CTCB2507       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 3:1              | 28.500 đồng   | 20.100.000                   |
| 20  | Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75 | CTPB2503       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 13.000 đồng   | 12.900.000                   |
| 21  | Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/76 | CVHM2512       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 4:1              | 58.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 22  | Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77 | CVIB2504       | Mua/ Châu Âu          | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 19.000 đồng   | 16.600.000                   |
| 23  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call/               | CVNM2511       | Mua/                  | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 6:1              | 55.000        | 14.200.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện   | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|-----------------|------------------------------|
|     | EU/Cash/12M/78                                  |                | Châu Âu               |          |                |              |                  | đồng            |                              |
| 24  | Chứng quyền<br>VPB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/79 | CVPB2513       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 18.000<br>đồng  | 29.500.000                   |
| 25  | Chứng quyền<br>VRE/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/80 | CVRE2512       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 20/05/2025     | 20/05/2026   | 2:1              | 23.5000<br>đồng | 11.000.000                   |

⬆ Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện  | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|----------------|------------------------------|
| 1   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/3M/01  | CHPG2023       | Mua/<br>Châu Âu       | 3 tháng  | 12/10/2020     | 12/01/2021   | 1:1              | 28.500<br>đồng | 2.000.000                    |
| 2   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/6M/02  | CHPG2102       | Mua/<br>Châu Âu       | 6 tháng  | 05/01/2021     | 05/07/2021   | 0,7352:1         | 30.144<br>đồng | 4.000.000                    |
| 3   | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/9M/05  | CTCB2101       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 05/01/2021     | 05/10/2021   | 1:1              | 31.000<br>đồng | 2.000.000                    |
| 4   | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/4M/05  | CHPG2110       | Mua/<br>Châu Âu       | 4 tháng  | 04/08/2021     | 06/12/2021   | 5:1              | 44.000<br>đồng | 10.000.000                   |
| 5   | Chứng quyền<br>VNM/ACBS/Call<br>/EU/Cash/4M/07  | CVNM2108       | Mua/<br>Châu Âu       | 4 tháng  | 04/08/2021     | 06/12/2021   | 9,8301:1         | 78.641<br>đồng | 5.000.000                    |
| 6   | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/4M/10  | CFPT2104       | Mua/<br>Châu Âu       | 4 tháng  | 04/08/2021     | 06/12/2021   | 9,8947:1         | 79.158<br>đồng | 7.000.000                    |
| 7   | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call<br>/EU/Cash/12M/04 | CMWG2104       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 22/03/2021     | 22/03/2022   | 6,6444:1         | 89.699<br>đồng | 5.000.000                    |



| STT | Tên chứng quyền                         | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-----------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 8   | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06 | CTCB2105       | Mua/ Châu Âu          | 9 tháng  | 04/08/2021     | 04/05/2022   | 5:1              | 45.000 đồng   | 15.000.000                   |
| 9   | Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08 | CVRE2105       | Mua/ Châu Âu          | 9 tháng  | 04/08/2021     | 04/05/2022   | 5:1              | 30.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 10  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09 | CMSN2104       | Mua/ Châu Âu          | 9 tháng  | 04/08/2021     | 04/05/2022   | 8,3261:1         | 98.248 đồng   | 5.000.000                    |
| 11  | Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11 | CVHM2115       | Mua/ Châu Âu          | 9 tháng  | 17/11/2021     | 17/08/2022   | 9,7163:1         | 91.333 đồng   | 15.000.000                   |
| 12  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12 | CHPG2208       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 3,7823:1         | 30.258 đồng   | 10.000.000                   |
| 13  | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13 | CTCB2204       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 5:1              | 45.000 đồng   | 5.000.000                    |
| 14  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14 | CMSN2202       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 8,2758:1         | 126.620 đồng  | 5.000.000                    |
| 15  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15 | CMWG2204       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 4,9711:1         | 72.080 đồng   | 5.000.000                    |
| 16  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16 | CVNM2204       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 9,6717:1         | 70.603 đồng   | 5.000.000                    |
| 17  | Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17 | CVRE2204       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 5:1              | 33.000 đồng   | 5.000.000                    |
| 18  | Chứng quyền VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18 | CVIC2203       | Mua/ Châu Âu          | 6 tháng  | 08/04/2022     | 07/10/2022   | 10:1             | 86.000 đồng   | 5.000.000                    |
| 19  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/19 | CHPG2225       | Mua/ Châu Âu          | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 17.000 đồng   | 18.000.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                         | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-----------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 20  | Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20 | CTCB2214       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 27.000 đồng   | 4.500.000                    |
| 21  | Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21 | CMBB2213       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 17.000 đồng   | 9.000.000                    |
| 22  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22 | CMSN2214       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 10:1             | 100.000 đồng  | 3.000.000                    |
| 23  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23 | CMWG2213       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 6:1              | 54.000 đồng   | 9.000.000                    |
| 24  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24 | CVNM2211       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 5,8946:1         | 66,806 đồng   | 6.000.000                    |
| 25  | Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25 | CVRE2219       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 3:1              | 29.000 đồng   | 4.500.000                    |
| 26  | Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26 | CVHM2218       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 6:1              | 54.000 đồng   | 9.000.000                    |
| 27  | Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27 | CFPT2212       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 10:1             | 70.000 đồng   | 8.000.000                    |
| 28  | Chứng quyền POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28 | CPOW2210       | Mua/Châu Âu           | 8 tháng  | 06/10/2022     | 06/06/2023   | 1:1              | 13.000 đồng   | 2.000.000                    |
| 29  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29 | CHPG2306       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 3:1              | 20.000 đồng   | 24.000.000                   |
| 30  | Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30 | CFPT2303       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 8,4983:1         | 73,085 đồng   | 8.000.000                    |
| 31  | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31 | CSTB2303       | Mua/Châu Âu           | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 2:1              | 22.000 đồng   | 10.000.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện  | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|----------------|------------------------------|
| 32  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call<br>/EU/Cash/9M/32  | CMWG2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 9 tháng  | 09/02/2023     | 09/11/2023   | 5,943:1          | 49,525<br>đồng | 12.000.000                   |
| 33  | Chứng quyền<br>FPT/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/42  | CFPT2311       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 9,8844:1         | 88,960<br>đồng | 10.000.000                   |
| 34  | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/43  | CHPG2330       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 3:1              | 31.000<br>đồng | 12.000.000                   |
| 35  | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/44  | CMBB2313       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 2:1              | 21.000<br>đồng | 10.000.000                   |
| 36  | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/7M/45  | CTCB2308       | Mua/<br>Châu Âu       | 7 tháng  | 18/08/2023     | 18/03/2024   | 3:1              | 37.000<br>đồng | 9.000.000                    |
| 37  | Chứng quyền<br>STB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/33 | CSTB2306       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 2:1              | 30.000<br>đồng | 19.000.000                   |
| 38  | Chứng quyền<br>MBB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/34 | CMBB2306       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 1,6965:1         | 16,965<br>đồng | 20.000.000                   |
| 39  | Chứng quyền<br>HPG/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/35 | CHPG2309       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3:1              | 24.000<br>đồng | 25.000.000                   |
| 40  | Chứng quyền<br>MWG/ACBS/Call<br>/EU/Cash/12M/36 | CMWG2305       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3,962:1          | 35,658<br>đồng | 9.000.000                    |
| 41  | Chứng quyền<br>VIB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/37 | CVIB2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 1,5718:1         | 18,076<br>đồng | 15.000.000                   |
| 42  | Chứng quyền<br>TCB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/38 | CTCB2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3:1              | 27.000<br>đồng | 14.000.000                   |
| 43  | Chứng quyền<br>VHM/ACBS/Call<br>/EU/Cash/12M/39 | CVHM2302       | Mua/<br>Châu Âu       | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 4:1              | 50.000<br>đồng | 12.000.000                   |



| STT | Tên chứng quyền                          | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 44  | Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40 | CMSN2302       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 6:1              | 66.000 đồng   | 6.000.000                    |
| 45  | Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41 | CVRE2303       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 25/05/2023     | 24/05/2024   | 3:1              | 25.000 đồng   | 8.000.000                    |
| 46  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46 | CMWG2316       | Mua/Châu Âu           | 10 tháng | 24/10/2023     | 23/08/2024   | 6:1              | 48.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 47  | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47 | CSTB2334       | Mua/Châu Âu           | 10 tháng | 24/10/2023     | 23/08/2024   | 3:1              | 27.000 đồng   | 8.000.000                    |
| 48  | Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48 | CVIB2306       | Mua/Châu Âu           | 10 tháng | 24/10/2023     | 23/08/2024   | 1,8879:1         | 16.047 đồng   | 7.000.000                    |
| 49  | Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49 | CHPG2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 2,7268:1         | 28.177 đồng   | 10.500.000                   |
| 50  | Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50 | CMBB2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 1,7003:1         | 20.403 đồng   | 11.000.000                   |
| 51  | Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51 | CMWG2401       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 4:1              | 66.000 đồng   | 10.000.000                   |
| 52  | Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52 | CSTB2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 3:1              | 30.000 đồng   | 10.500.000                   |
| 53  | Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53 | CVIB2402       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 1,6444:1         | 19.732 đồng   | 10.000.000                   |
| 54  | Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54 | CVNM2401       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 7,4141:1         | 61.166 đồng   | 8.000.000                    |



| STT | Tên chứng quyền                                 | Mã chứng quyền | Loại/Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | Giá thực hiện | Tổng số chứng quyền chào bán |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------|------------------|---------------|------------------------------|
| 55  | Chứng quyền<br>VPB/ACBS/Call/<br>EU/Cash/12M/55 | CVPB2401       | Mua/Châu Âu           | 12 tháng | 21/05/2024     | 21/05/2025   | 1,8488:1         | 19.412 đồng   | 9.000.000                    |

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Tổ chức kiểm toán

- Tên Công ty: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
- Địa chỉ: Số 115, đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266.
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

### 2. Ngân hàng lưu ký

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn)

### 3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

## IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và công ty con của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, quản lý quỹ và các hoạt động khác có thể có các thông tin quan trọng về Công ty, chứng khoán cơ sở hoặc phát hành, cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty, chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin, các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan hoặc ảnh hưởng đến Công ty, chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu, tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của khách hàng chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

**X. CAM KẾT**

Tính đến thời điểm nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chào bán chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở của Tổ chức phát hành, ACBS không phải là người có liên quan với Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

**XI. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN**

| STT | VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN                                                                                                                                                                                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020                                                                                                                                                                                      |
| 2.  | Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019                                                                                                                                                                                       |
| 3.  | Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán                                                                                                                  |
| 4.  | Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán                                                                                                          |
| 5.  | Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán                                                                                                                       |
| 6.  | Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm                                                                                                          |
| 7.  | Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm                                                                      |
| 8.  | Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 20/01/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh |
| 9.  | Quyết định số 30/QĐ-HDTV ngày 16/04/2025 ban hành Quy chế hoạt động đăng ký và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam                                                                 |
| 10. | Các văn bản pháp luật khác có liên quan                                                                                                                                                                                                |



## XII. PHỤ LỤC

- Quyết định của Hội đồng thành viên liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

**ACBS**



*Nguyễn Đức Hoàn*  
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG LƯU KÝ  
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM  
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thị Minh Châu*